

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HSST
Ngày: 28-04-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Sỹ Tổ và ông Ngô Trọng Thế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:
Bà Lại Thị Hiền - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2021/HSST, ngày 15 tháng 04 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 38/2021/QĐHST-QĐ ngày 16 tháng 04 năm 2021 đối với bị cáo:

Vũ Thị D - sinh ngày 10/07/1988 tại xã Trung Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm 7, xã Trung Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Trâm (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tiêu; có chồng Nguyễn Văn Nhân (đã ly hôn) và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; tạm giữ từ ngày 12/01/2021 đến ngày 18/01/2021 thì áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vụ án:

Chị Vũ Thị N, sinh năm 1988 (có mặt).

Nơi cư trú: xóm 6, xã Trung Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Người chứng kiến:

Ông Phan Văn Đông, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khối 2, thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ bạn bè quen biết nên trong khoảng thời gian từ ngày 27/4/2019 đến 10/11/2019, chị Vũ Thị N, sinh năm 1988, trú tại xóm 6, xã Trung Thành, huyện Yên Thành đã vay của Vũ Thị D 07 lần tiền với tổng số tiền nợ gốc là 1.190.0000.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng). Việc vay tiền và thỏa thuận lãi suất phần lớn do hai bên sau khi thống nhất với nhau thì tự ghi vào sổ cá nhân của mình để theo dõi, quản lý. Cụ thể các lần thực hiện hành vi giao dịch vay tiền và thỏa thuận lãi suất giữa hai bên như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 27/4/2019, Vũ Thị D cho chị Vũ Thị N vay số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, lãi suất vay được thỏa thuận là: vay một triệu thì một ngày phải trả tiền lãi là 10 nghìn đồng (10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày). Đến ngày 30/4/2019, chị Ngọc đã trả cho Vũ Thị D số tiền gốc 20.000.000 đồng và số tiền lãi được tính 04 ngày với số tiền là 800.000 (tám trăm nghìn) đồng.

- Lần thứ hai: Vào ngày 28/4/2019, Vũ Thị D cho chị Vũ Thị N vay 03 lần tiền với các khoản vay cụ thể như sau:

- + Khoản vay thứ nhất: Số tiền gốc là 200.000.000(hai trăm triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận là vay một triệu thì một ngày phải trả tiền lãi là 10 nghìn đồng (10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày). Đến ngày 05/5/2019 chị Ngọc đã trả cho Vũ Thị D số tiền gốc 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và tiền lãi 08 ngày với số tiền là 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng.

- + Khoản vay thứ hai: Số tiền gốc là 60.000.000(Sáu mươi triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận là vay một triệu thì một ngày phải trả tiền lãi là 10 nghìn đồng (10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày). Ngày 09/5/2019 chị Ngọc đã trả cho Danh số tiền gốc 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng và tiền lãi 12 ngày với số tiền là 7.200.000(bảy triệu hai trăm nghìn) đồng.

- + Khoản vay thứ ba: Số tiền gốc là 250.000.000(hai trăm năm mươi triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận là vay một triệu thì một ngày phải trả tiền lãi là 10 nghìn đồng (10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày). Ngày 02/5/2019, chị Ngọc đã trả cho Danh số tiền gốc 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi 05 ngày với số tiền là 12.500.000(Mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Như vậy, trong ngày 28/4/2019, Vũ Thị D đã cho chị Vũ Thị N vay tổng số tiền gốc là 510.000.000 (Năm trăm mười triệu) đồng. Chị Vũ Thị N đã trả đủ số tiền gốc này cho Danh và tổng số tiền lãi của các khoản vay trong ngày 28/4/2019 là 35.700.000 (ba mươi lăm triệu bảy trăm nghìn) đồng.

- Lần thứ ba: Vào ngày 22/10/2019, Vũ Thị D cho chị Vũ Thị N vay số tiền gốc là 40.000.000(bốn mươi triệu) đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận vay một triệu thì một ngày phải trả tiền lãi là 10 nghìn đồng (10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày). Đến hạn Chị Ngọc đã trả đủ số tiền gốc và tiền lãi cho Vũ Thị D 10 ngày với số tiền là 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

- Lần thứ tư: Vào ngày 25/10/2019, Vũ Thị D cho chị Vũ Thị N vay số tiền gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là vay một triệu thì một ngày phải trả tiền lãi là 08 nghìn đồng (8.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày). Chị Ngọc đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi cho Vũ Thị D 13 ngày với số tiền là 10.400.000 (Mười triệu bốn trăm nghìn) đồng.

- Lần thứ năm: Vào ngày 26/10/2019, Vũ Thị D cho Vũ Thị N vay số tiền gốc là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, lãi suất vay hai bên thỏa thuận là vay một triệu thì một ngày phải trả tiền lãi là 08 nghìn đồng (8.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày). Chị Ngọc đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi cho Vũ Thị D 12 ngày với số tiền lãi là 9.600.000 (Chín triệu sáu trăm nghìn) đồng.

- Lần thứ sáu: Vào ngày 27/10/2019, Vũ Thị D cho Vũ Thị N vay số tiền gốc là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng, lãi suất vay hai bên thỏa thuận là vay một triệu thì một ngày phải trả tiền lãi là 10 nghìn đồng (10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày). Ngày 31/10/2019 Chị Ngọc đã trả cho Vũ Thị D được 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tiền nợ gốc và tiền lãi 05 ngày với số tiền là 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Số tiền nợ gốc còn lại là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, chị Vũ Thị N tiếp tục trả tiền lãi cho Vũ Thị D theo thỏa thuận vay một triệu thì một ngày phải trả tiền lãi là 10 nghìn đồng (10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày). Chị Ngọc đã trả tiền lãi cho Danh từ ngày 01/11/2019 đến ngày 03/11/2019 (03 ngày) với số tiền là 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Lần thứ bảy: Vào ngày 06/11/2019, Vũ Thị D cho Vũ Thị N vay số tiền gốc là 170.000.000 (Một trăm triệu) đồng, lãi suất vay hai bên thỏa thuận là vay một triệu thì một ngày phải trả tiền lãi là 10 nghìn đồng (10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày). Đến hạn chị Ngọc chưa trả tiền nợ gốc nhưng đã trả tiền lãi cho Vũ Thị D đến ngày 10/11/2019 (05 ngày) với số tiền lãi là 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

Như vậy, tính từ ngày 27/4/2019 đến ngày 10/11/2019, Vũ Thị D đã thông qua 07 lần giao dịch cho vay tiền đối với chị Vũ Thị N. Tổng số tiền gốc Danh cho chị Ngọc vay là 1.190.000.000 (Một tỷ một trăm chín mươi triệu) đồng, chị Ngọc đã trả cho Vũ Thị D tổng số tiền lãi qua các lần giao dịch là 86.000.000 (tám mươi sáu triệu) đồng và số tiền nợ gốc là 870.000.000 (tám trăm bảy mươi triệu) đồng. Hiện tại chị Ngọc đang còn nợ Vũ Thị D số tiền nợ gốc là 320.000.000 (ba trăm hai

mười triệu) đồng. Kể từ ngày 10/11/2019 đến nay chị Ngọc chưa thanh toán tiền gốc và lãi cho Vũ Thị D đối với khoản nợ còn lại.

Hợp đồng vay tài sản giữa Vũ Thị D và chị Vũ Thị N là giao dịch dân sự giữa cá nhân với cá nhân nên chịu sự điều chỉnh của pháp luật dân sự. Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định lãi suất cao nhất mà Vũ Thị D được phép cho vay tối đa 20%/năm nên tiền lãi tối đa mà Vũ Thị D có thể nhận được đối với 07 lần giao dịch vay tiền nêu trên của chị Vũ Thị N, cụ thể là:

- Đối với khoản vay 20.000.000 đồng tiền nợ gốc ngày 27/4/2019, thời hạn vay 04 ngày. Số tiền lãi tối đa theo quy định pháp luật mà Vũ Thị D được phép nhận của chị Vũ Thị N đối với khoản vay này là 20%: $365 \times 20.000.000 \times 4 = 43.835$ đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính của khoản vay này là: 800.000 đồng – 43.835 đồng = 756.165 (Bảy trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm) đồng.

- Đối với khoản vay ngày 28/4/2019, Vũ Thị D cho chị Vũ Thị N vay tổng số tiền nợ gốc là 510.000.000 đồng. Số tiền lãi tối đa theo quy định pháp luật mà Vũ Thị D được phép nhận của chị Vũ Thị N đối với các khoản vay ngày 28/4/2019 này là: $20\% : 365 \text{ ngày} \times (200.000.000 \text{ đồng} \times 8 \text{ ngày} + 60.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ ngày} + 250.000.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ ngày}) = 1.956.165$ (Một triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi lăm) đồng. Số tiền Vũ Thị D thu lợi bất chính của các khoản vay này là: (16.000.000 đồng + 7.200.000 đồng + 12.500.000 đồng) - 1.956.165 đồng = 33.743.835 (ba mươi ba triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm ba mươi lăm) đồng.

- Đối với khoản vay 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng tiền gốc ngày 22/10/2019, số tiền lãi tối đa theo quy định pháp luật mà Vũ Thị D được phép nhận của chị Vũ Thị N đối với khoản vay này là 20% : $365 \text{ ngày} \times 40.000.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ ngày} = 219.178$ (hai trăm mười chín nghìn, một trăm bảy mươi tám) đồng. Số tiền lãi mà Vũ Thị D thu lợi bất chính từ khoản vay này là: 4.000.000 đồng – 219.178 đồng = 3.780.822 (Ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai) đồng.

- Đối với khoản vay 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng tiền nợ gốc ngày 25/10/2019, số tiền lãi tối đa theo quy định pháp luật mà Vũ Thị D được phép nhận của chị Vũ Thị N đối với khoản vay này là 20% : $365 \text{ ngày} \times 100.000.000 \text{ đồng} \times 13 \text{ ngày} = 712.328$ (Bảy trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi tám) đồng. Số tiền lãi mà Vũ Thị D thu lợi bất chính từ khoản vay này là: 10.400.000 đồng – 712.328 đồng = 9.687.672 (chín triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi hai) đồng.

- Đối với khoản vay 100.000.000 đồng tiền gốc ngày 26/10/2019, số tiền lãi tối đa theo quy định pháp luật mà Vũ Thị D được phép nhận của chị Vũ Thị N đối với khoản vay này là 20% : $365 \text{ ngày} \times 100.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ ngày} = 657.534$ (sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi tư) đồng. Số tiền lãi danh thu lợi bất

chính từ khoản vay này là: $9.600.000 \text{ đồng} - 657.534 \text{ đồng} = 8.942.466$ (Tám triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu) đồng.

- Đối với khoản vay 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng tiền nợ gốc ngày 27/10/2019. Số tiền lãi tối đa theo quy định pháp luật mà Vũ Thị D được phép nhận của chị Vũ Thị N đối với khoản vay này là $20\% : 365 \text{ ngày} \times (250.000.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ ngày} + 150.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ ngày}) = 934.506$ (Chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm linh sáu) đồng. Số tiền lãi mà Vũ Thị D thu lợi bất chính từ khoản vay này là: $(12.500.000 \text{ đồng} + 4.500.000 \text{ đồng}) - 934.506 \text{ đồng} = 16.065.494$ (Mười sáu triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm chín mươi tư) đồng.

- Đối với khoản vay 170.000.000 đồng tiền nợ gốc ngày 06/11/2019, số tiền lãi tối đa theo quy định pháp luật mà Vũ Thị D được phép nhận của chị Ngọc đối với khoản vay này là $20\% : 365 \text{ ngày} \times 170.000.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ ngày} = 465.753$ (Bốn trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba) đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính của khoản vay này là: $8.500.000 \text{ đồng} - 465.753 \text{ đồng} = 8.034.247$ (Tám triệu không trăm ba mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi bảy) đồng.

Qua các giao dịch vay tiền trên thấy, lãi suất mà Vũ Thị D thỏa thuận cho chị Nguyễn Thị Ngọc vay là $8.000 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/\text{ngày}$ và $10.000 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/\text{ngày}$ tương ứng với $292\%/năm$ và $365\%/năm$ (Cao gấp 14,6 lần và 18,25 lần số tiền lãi tối đa mà Vũ Thị D được phép cho vay).

Tổng số tiền thu lợi bất chính của Vũ Thị D đối với tất cả các khoản vay trên từ ngày 27/4/2019 đến ngày 10/11/2019 là 81.010.701 (Tám mươi một triệu không trăm mười nghìn bảy trăm linh một) đồng.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKS - YT, ngày 05 tháng 04 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành đã truy tố Vũ Thị D về “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Thị D từ 18 - 24 tháng cải tạo không giam giữ về “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Khấu trừ thu nhập từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng/ tháng.

Phạt bổ sung: Bị cáo hiện nay một mình nuôi hai con nhỏ, tài sản không có, thu nhập đủ nuôi con nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về Dân sự: Buộc bị cáo Vũ Thị D trả lại cho chị Vũ Thị N số tiền thu lợi bất chính là 81.010.701 đồng.

Vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền cho vay 530.000.000 đồng (trong đó: 320.000.000 đồng chị Ngọc đang quản lý chưa trả cho bị cáo Danh; 210.000.000 đồng chị Ngọc đã trả cho bị cáo Danh, bị cáo Danh đang quản lý) và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 4.989.299 đồng (bị cáo Danh đang quản lý)

Tiếp tục tạm giữ số tiền 89.000.000 đồng thu của bị cáo Danh để bảo đảm công tác thi hành án.

Lưu hồ sơ vụ án 06 tờ giấy ô ly nhãn hiệu Hải Yến.

Án Phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo phải chịu án 200.000 đồng phí hình sự sơ thẩm và 4.050.535 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Danh xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị trả lại số tiền 89.000.000 đồng cho bị cáo.

Chị Ngọc xin nhận lại số tiền Danh thu lợi bất chính là 81.010.701 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Từ ngày 27/4/2019 đến ngày 10/11/2019, Vũ Thị D đã cho chị Vũ Thị N, sinh năm 1988, trú tại xóm 6, xã Trung Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An vay tiền 07 lần với tổng số tiền vay là 1.190.000.000 (Một tỷ một trăm chín mươi triệu) đồng, lãi suất cho vay mỗi lần là 8.000 đồng/1 triệu đồng/ 1 ngày; 10.000 đồng/1 triệu đồng/ 1 ngày tương ứng với 292%/năm và 365%/năm, cao gấp 14,6 và 18,25 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự và Vũ Thị D đã nhận tổng số tiền lãi của tất cả các lần vay tính đến ngày 10/11/2019 là 86.000.000,00 đồng, thu lợi bất chính 81.010.701,00 đồng.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ được, có đủ cơ sở xác định bị cáo cho vay tiền với lãi suất gấp 14,6 và 18,25 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 81.010.701 đồng. Do đó Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Các hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn. Chỉ trong một thời gian ngắn bị cáo đã liên tục thực hiện hành vi cho vay lãi nặng để thu lợi bất chính cho bản thân, làm ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống Ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân, kinh tế Nhà nước, làm mất an ninh trật tự trên địa bàn nhất là trong giai đoạn hiện nay nạn tín dụng đen đang phát triển mạnh. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm khắc đối bị cáo.

Tuy nhiên: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Nên cần xử phạt hình phạt cải tạo không giam giữ với mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, thu nhập đủ nuôi bản thân và hai con nhỏ nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Khấu trừ thu nhập: Bị cáo lao động tự do thu nhập mỗi tháng từ 3 đến 4 triệu đồng nên khấu trừ thu nhập 500.000 đồng/ tháng là phù hợp thực tế.

[4] Về Dân sự: Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là 81.010.701,00 đồng (bị cáo Danh quản lý) là tiền thu lợi bất chính tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu trả lại, mặt khác số tiền Ngọc vay về mục đích phục vụ sản xuất kinh doanh nên cần buộc bị cáo Danh trả lại cho Ngọc.

[5] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đúng theo quy trình, thủ tục, thẩm quyền do Bộ luật tố tụng Hình quy định là hợp pháp.

[6] Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra Công an thu giữ của Vũ Thị D 06 (sáu) tờ giấy gồm: 01 tờ giấy kẻ ngang nhãn hiệu “HẢI TIẾN”, ký hiệu đánh số thứ tự 01; 01 tờ giấy kẻ ngang nhãn hiệu “HẢI TIẾN”, được đánh số thứ tự 02; 01 tờ giấy kẻ ngang nhãn hiệu “HẢI TIẾN”, được đánh số thứ tự 03; 01 tờ giấy kẻ ngang nhãn hiệu “HẢI TIẾN”, được đánh số thứ tự 04; 02 (hai) tờ giấy kẻ ngang nhãn hiệu “HẢI TIẾN” được đánh số thứ tự từ 01 – 02. Trên mỗi tờ giấy có nội dung phản ánh các giao dịch cho vay tiền, số tiền lãi đều là bản gốc có chữ ký xác nhận của Vũ Thị N đề ngày 12/01/2021. Đây là vật chứng liên quan đến vụ án nên lưu vào hồ sơ vụ án.

Bị cáo Danh cho Ngọc vay 7 lần với tổng giá trị tiền giao dịch là 1.190.000.000 đồng nhưng bị cáo chỉ dùng số tiền mặt 530.000.000 đồng để quay vòng thực hiện các giao dịch trên nên số tiền mặt cho vay 530.000.000 đồng (hiện nay bị cáo Danh quản lý 210.000.000 đồng, chị Ngọc quản lý 320.000.000 đồng) xác định là phương tiện

phạm tội và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 4.989.299,00 đồng (bị cáo Danh quản lý) là khoản tiền phát sinh từ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

01 (một) tập tiền gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, có giá trị 89.000.000 (tám mươi chín triệu) đồng là tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành thu của bị cáo Danh, không phải vật chứng vụ án. Cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm công tác thi hành án. Công an huyện Yên Thành có trách nhiệm bàn giao cho Chi cục thi hành án huyện Yên Thành.

[7] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 4.050.535 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Vũ Thị D 21 (hai mươi một) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Khấu trừ thu nhập của Vũ Thị D trong thời gian chấp hành án, mỗi tháng 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng để sung quỹ Nhà Nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Được trừ thời hạn tạm giữ 06 ngày (từ ngày 12/01/2021 đến ngày 18/01/2021), quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ.

Giao Vũ Thị D cho Ủy ban nhân dân xã Trung Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình Vũ Thị D có trách nhiệm phối hợp với Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Danh.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 30 của BLTTHS; điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS; khoản 1 Điều 584; Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Vũ Thị D phải trả cho chị Vũ Thị N số tiền thu lợi bất chính của chị Ngọc là 81.010.701,00 (Tám mươi một triệu, không trăm mười nghìn, bảy trăm linh một) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị N, sinh năm 1988, nơi cư trú: xóm 6, xã Trung Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An còn nợ bị cáo Vũ Thị D số tiền 320.000.000,00 đồng phải nộp số tiền còn nợ là 320.000.000,00 (Ba trăm hai mươi triệu) đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Vũ Thị D phải nộp số tiền 210.000.000 (Hai trăm mười triệu) đồng cho chị Ngọc vay và số tiền lãi 4.989.299,00 (Bốn triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn, hai trăm chín mươi chín) đồng do chị Ngọc trả để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

06 (sáu) tờ giấy gồm: 01 tờ giấy kẻ ngang nhãn hiệu “HẢI TIẾN”, ký hiệu đánh số thứ tự 01; 01 tờ giấy kẻ ngang nhãn hiệu “HẢI TIẾN”, được đánh số thứ tự 02; 01 tờ giấy kẻ ngang nhãn hiệu “HẢI TIẾN”, được đánh số thứ tự 03; 01 tờ giấy kẻ ngang nhãn hiệu “HẢI TIẾN”, được đánh số thứ tự 04; 02 (hai) tờ giấy kẻ ngang nhãn hiệu “HẢI TIẾN” được đánh số thứ tự từ 01 – 02. Trên mỗi tờ giấy có nội dung phản ánh các giao dịch cho vay tiền, số tiền lãi đều là bản gốc có chữ ký xác nhận của Vũ Thị N đề ngày 12/01/2021. Lưu vào hồ sơ vụ án.

01 (một) tập tiền gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, có giá trị 89.000.000 (tám mươi chín triệu) đồng thu của bị cáo Danh. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thành có trách nhiệm giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành tạm giữ để bảo đảm công tác thi hành án.

- Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Thị D phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 4.050.535 (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn, năm trăm ba mươi lăm) đồng.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; NCQLNVLQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Viện kiểm sát tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Cơ quan THA hình sự;
- UBND xã nơi b/c cư trú;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu kết quả.

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ